

44 Năm Sau Nhìn Lại Mối Đau

Phan Nhật Nam

Dẫn Nhập

Mỗi người, mỗi tập thể, mỗi dân tộc có một đời sống, lần chết với định mệnh riêng. Dân tộc Việt cảm nhận, thấy ra sự huyền nhiệm kia qua con Số Ba: Lễ thờ cúng với phẩm vật Tam Sanh; nhà Ba Gian; Ba Miền Bắc, Trung, Nam; Cờ Quẻ Ly; Cờ Vàng Ba Sọc...

Người Việt thấu hiểu cốt lõi cấu trúc siêu hình, lẽ huyền vi kia qua Nỗi Đau và Cơ Thống Khổ vô lường với thân phận của mỗi người trên quê hương điều linh qua những Tháng Ba của năm 1972, 1975. Người Việt hải ngoại vừa qua Tháng Ba, đang ở Tháng Tư, 2019, những thời điểm khiến nhớ lần vỡ trận Ban Mê Thuộc, 10 Tháng Ba, 1975, khởi đầu bị kịch nước mất nhà tan năm mươi lăm ngày sau, 30 Tháng Tư, 1975.

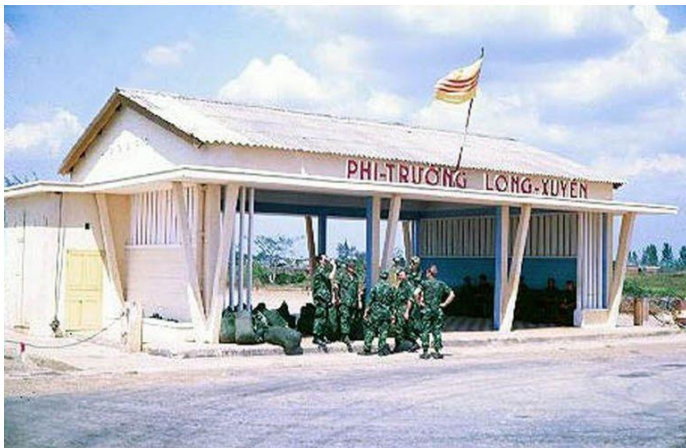
Nay 44 năm sau 1975, thời gian đủ để nhìn lại sự việc của quá khứ từ đó nhận ra những **tất yếu của lịch sử**. Những điều tất yếu mà dân tộc Việt buộc phải nhận lãnh từ phận nghiệp điều linh. Những thế hệ người Việt sinh nơi miền Nam, lớn lên sau 1975 phần đông trên đất Mỹ có thể ngạc nhiên với thắc mắc: Tại sao một miền Nam có đủ tất cả những ưu thế so với với miền Bắc, cụ thể thuộc về phe dân chủ-tự do được Mỹ và Tây Âu yểm trợ, giúp sức. Vậy thì từ đâu, vì sao, VNCH chỉ một sớm một chiều sụp vỡ một cách nhanh chóng sau 55 ngày do Bắc Việt Cộng Sản tấn công? Tại sao?

1.

Tháng Ba mở đầu mùa Hè khốc liệt 1972; và Tháng Ba sau ký kết Hiệp Định Tái Lập Hòa Bình 27 Tháng Giêng, 1973, mà hai tháng sau 27 Tháng Ba, 1973, là hết thời hạn thi hành giai đoạn bốn bên, và miền Nam bắt đầu nhận chịu số phận khốn đốn khi tỉnh Phước Long bị Cộng Sản lấn chiếm, Tháng Mười Hai, 1974, cùng lúc viện trợ Mỹ bị cắt giảm toàn diện, Hạm Đội 7 quay mũi về Trung Đông. Qua đầu Xuân Tháng Ba, 1975, thêm một lần miền Nam phải giáp mặt với câu hỏi... Bao giờ Cộng Sản tấn công? Cộng Sản sẽ tấn công ở đâu? Không ai ở Sài Gòn có câu trả lời chính xác.

Đầu năm 1975, phía Cộng Sản Bắc Việt đã nối được con đường từ Cao Nguyên Trung Phần xuống đồng bằng Quảng Nam, Quảng Ngãi, lộ rõ ý định cắt đôi miền Nam theo trục quốc lộ 19 nối Bình Định – Pleiku như đã thực hiện trong chiến tranh 1946-1954. Và đây là tiền đề của cuộc Tổng Công Kích 1975 mà Hà Nội đã quyết thực hiện bước cuối cùng để tiến chiếm miền Nam?

Bây giờ thì ai cũng thấy ra như thế, nhưng lúc ấy, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng Tham Mưu ở Sài Gòn, cụ thể với Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh Quân Đoàn II ở Pleiku, lúc ấy không thể có quyết đoán cụ thể nào khi từ năm 1972, phần cực Bắc của Cao Nguyên Trung Phần, cứ điểm Đắc-tô, quận lỵ Tân Cảnh, dãy Căn Cứ 5, 6, các trại lực lượng đặc biệt đã thuộc về vùng kiểm soát của binh đội miền Bắc.



Phi trường Long Xuyên. (Hình: Flickr manhhai)

Đầu năm 1975, Bộ Chính Trị, Trung Ương Đảng Cộng Sản, Bộ Tổng Quân Ủy quân đội Bắc Việt chuẩn bị tấn công miền Nam sau khi rút kinh nghiệm thất bại từ Mậu Thân 1968, do đã quá phân tán lực lượng trên mục tiêu trải dài qua 40 tỉnh, thành phố miền Nam. Cụ thể trong Tổng Công Kích Xuân – Hè 1972, cuộc tấn công đã không hoàn tất mục tiêu chiến lược là đánh sụp toàn bộ hệ thống quân sự-chính trị-hành chánh của VNCH, để yểm trợ chính trị cho Hội Nghị Ba Lê đang ở thời điểm quyết định trước khi ký kết (27 Tháng Giêng, 1973).

Quan trọng hơn hết, vào Tháng Ba, 1975, người Mỹ đã thực sự rút chân ra khỏi Việt Nam.

Cũng không phải đợi năm 1975 mà từ những năm 1972, và cũng chẳng phải là chuyên viên quân sự-chính trị chiến lược cao cấp, chỉ người có lưu tâm đến thời cuộc, chiến cuộc cũng có thể nhìn thấy tình hình quân sự nguy ngập của miền Nam.

Từ sau trận chiến mùa Hè 1972 một phần cực Bắc của Cao Nguyên Trung Phần, gồm cứ điểm Darkto, quận lỵ Tân Cảnh, dãy Căn Cứ 5, 6, các trại lực lượng đặc biệt đã thuộc về vùng kiểm soát của Cộng Sản miền Bắc. Có nghĩa Bắc quân đã nối được con đường từ Cao Nguyên Trung Phần xuống đồng bằng Quảng Nam, Quảng Ngãi, lộ rõ ý định cắt đôi miền Nam theo trục quốc lộ 19 Bình Định – Pleiku như một lần thực hiện trong chiến tranh 1946-1954.

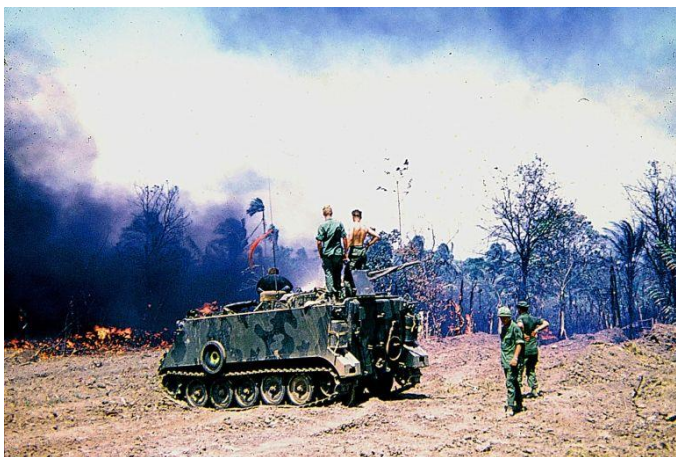
Nhưng không chỉ có thế, năm 1975 Bộ Chính Trị, Bộ Tổng Quân Ủy Đảng Cộng Sản Việt Nam đã điều quân dưới Nghị Quyết chiến lược số 21 (Nghị quyết này được Trung Ương Cục Miền Nam phổ biến với bí số 12). *“Cuộc tấn công toàn diện ở miền Nam Việt Nam phải được thực hiện đồng loạt và tràn ngập, liên kết ba mũi, chủ động cả ba mặt trên khắp ba vùng...”* Ba mũi là tấn công quân sự, tấn công chính trị, tấn công binh vận. Ba mặt, diện quân sự, diện chính trị, diện ngoại giao. Ba vùng gồm vùng Cộng Sản đã kiểm soát được; vùng tranh chấp (xôi đậu); và vùng Việt Nam Cộng Hòa.

Với chỉ đạo chiến lược này, Cộng Sản Bắc Việt lập kế hoạch tấn công lật đổ chế độ VNCH sau khi đã rút kinh nghiệm từ Mậu Thân 1968, và trận chiến Xuân-Hè 1972, để năm 1975 có đủ ưu thế vượt trội về quân sự cùng an toàn tuyệt đối về chính trị. Chúng ta cùng đi tiếp lần sự vỡ miền Nam bắt đầu từ Tháng Ba, 1975.

Hai.

Mặt Trận B3 là bí danh quân sự phía Cộng Sản Bắc Việt chỉ Vùng Cao Nguyên Trung Phần của VNCH. Trong ngày 10 Tháng Ba, Sư Đoàn F10 dưới quyền chỉ huy của các tướng Bắc Việt Hoàng Minh Thảo, Vũ Lăng đồng loạt tấn công Ban Mê Thuộc. Cuộc tấn công được tăng cường Sư Đoàn 320 là đơn vị cơ hữu đã có mặt từ trước nơi vùng B3 này, thêm Sư Đoàn 316 từ miền Bắc mới xâm nhập, và Sư Đoàn 341 tổng trừ bị. Sư Đoàn 316 rời miền Bắc vào Nam từ 1974 để chuẩn bị chiến trường cho Tướng Văn Tiến Dũng, nhân vật số 2 của quân đội miền Bắc. Tướng Dũng đã vào Nam từ ngày 5 Tháng Hai, 1975, bằng một chiếc máy bay Antonov 24 nhưng mãi đến Tháng Tư, CIA Mỹ mới khám phá ra. Lực lượng Cộng Sản đánh Ban Mê Thuộc gồm khoảng 25,000 người có pháo binh, chiến xa phối hợp yểm trợ.

Đối lại tại thị xã Ban Mê Thuộc, phía VNCH chỉ có khoảng 1,200 quân gồm lính hậu cứ của Sư Đoàn 23 Bộ Binh, lực lượng Địa Phương Quân Tiểu Khu Đắk-Lắc, và Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân. Tức tỷ lệ 20 đánh 1.



Thế nên từ 2 giờ sáng ngày 10 Tháng Ba, giờ mở lệnh tấn công (mà Tướng Dũng ước tính mặt trận Ban Mê Thuộc sẽ chấm dứt sau một tuần) chỉ đến 5 giờ 30 chiều cùng ngày 10, thị xã Ban Mê Thuộc phần lớn đã bị quân Bắc Việt chiếm đóng, cho dù Biệt Động Quân, Sư Đoàn 23 Bộ Binh vẫn tiếp tục chiến đấu.

Chiến đấu bảo vệ miền Nam. (Hình: Flickr manhhai)

Với tỷ lệ 20 đánh 1 có pháo binh, chiến xa yểm trợ (chỉ không có phi cơ) phía cộng sản làm sao không đánh thắng? Chưa hết, năm 1975 Hà Nội đánh chiếm miền Nam với hai lợi điểm, phải nói hai ưu thế quyết định: *Sự bất ngờ tình báo được bảo đảm toàn hảo và cái ô chính*

trị tuyệt đối an toàn.

Khi Cộng Sản quyết định tiến chiếm thị xã Ban Mê thuộc cực Nam của vùng Cao Nguyên Trung Phần, nơi tương đối bình an của Vùng II, mục tiêu không hề được tính đến trong suốt mười-lăm năm chiến tranh khởi đi từ 1960. Thế nên từ 2 giờ sáng ngày 10 Tháng Ba, giờ mở lệnh tấn công (mà Tướng Dũng ước tính mặt trận Ban Mê Thuộc sẽ chấm dứt sau một tuần) chỉ đến 5 giờ 30 chiều cùng ngày 10, thị xã Ban Mê Thuộc phần lớn đã bị quân Bắc Việt chiếm đóng, cho dù Biệt Động Quân, Sư Đoàn 23 Bộ Binh vẫn tiếp tục chiến đấu. Tướng

Dũng cứ tưởng như là giấc mơ. Tướng Dũng cũng không thể nào tin khi được báo cáo: Quân Đoàn II tháo chạy! Bởi vì ông không biết trong cuộc họp ngày 14 Tháng Ba, 1975, ở Cam Ranh, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã không nói rõ ràng về ý niệm điều quân: *“Nếu có thể thực hiện triệt thoái khỏi Pleiku, Kontum thì cũng có thể chiếm lại Ban Mê Thuộc?!”*

Những người cầm đầu Cộng Sản ở Hà Nội cũng không nghe tới tính toán: *“Ngày trước với một tỷ rưỡi đồng đô la thì giữ được bốn vùng, bốn quân khu. Nay với 700 triệu thì chỉ giữ được hai Quân Khu III và IV.”* Họp xong, ba ông tổng thống, thủ tướng, và tổng tham trưởng, ba tướng lãnh quân đội trở lại Sài Gòn. Tướng Tư Lệnh Phạm Văn Phú bay về Nha Trang. Để lại trách nhiệm chỉ huy toàn bộ cuộc di tản cho tướng lãnh được vinh thăng cuối cùng của Quân Lực VNCH, Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất.

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, quốc gia tên gọi “Việt Nam Cộng Hòa” bắt đầu **“chết”** từ điểm tắt thở này. Đây là cuộc hành quân di tản toàn Vùng Cao Nguyên, một Quân Khu II trên một đoạn đường 228 cây số mà 10 năm nay không được sử dụng (trên bản đồ quân sự đoạn Hậu Bồn (Cheo Reo) đến Sơn Hòa chỉ màu XANH, chỉ đoạn đường **KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỢC**).

Nguy hại hơn nữa, cuộc hành quân rút lui **KHÔNG CÓ LỆNH HÀNH QUÂN** điều hành, thống nhất chỉ huy! Cũng bởi Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy trưởng Biệt Động Quân Quân Khu II, chỉ thực sự chỉ huy những đơn vị Biệt Động Quân thuộc quyền của. Đêm 16 Tháng Ba, 1975, các đơn vị quân đội âm thầm bắt ngờ triệt thoái được êm xuôi. Nhưng đến sáng hôm sau, dân chúng hay được, hoang mang, hốt hoảng vội vã ùa chạy theo đoàn quân với bất cứ phương tiện di chuyển nào kể cả chạy bộ. Quân Cộng Sản bắt đầu đuổi theo, nã pháo thẳng vào đoàn di tản.

Trời cao nguyên buổi tàn Xuân gầy gầy rét vào sáng, càng về trưa nắng cao và nóng khô khan, đường bụi mù tung đờ bám vào thành xe, nòng pháo, khí cụ, tóc và da mặt người, vạ trông mắt đỏ rực. Những trông mắt mệt mỏi lo âu, tuyệt vọng. Phía sau lưng, thị xã Pleiku bốc lửa ngọn, khói đen đặc ngạt ngạt bay lên cao hơn đỉnh núi Hàm Rồng. Lửa lóng lánh ánh sáng kinh dị trong mắt những người lính Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, thành phần hậu vệ đoàn di tản.

Pleiku, thị trấn thủ phủ của miền Cao Nguyên, luôn trĩu lặng sương mù nay oằn thân vật vã trong màu lửa địa ngục. Lửa từ đồng kim loại, khí giới, từ những kho quân nhu, quân cụ soi loang loáng chập chờn những đường dốc hun hút lẫn khuất dưới tàng thông. Tất cả đồng nhóm lên màu đỏ chói. Màu của máu. Đoàn di tản qua được một ngày bình an. Bình an sống sót qua đói, khát, nhọc nhằn và lo âu. Lính gục trên mũi súng, đàn bà, con trẻ nằm rũ lên hành lý, thành xe, đất cát. Được sống, được ngủ là hạnh phúc quá lớn hờ tri? Còn biết kêu vào đâu? Với ai?

Bình an của ngày đầu tiên này không kéo dài được lâu, bởi phía Cộng Sản trong ngày 16 đã tìm ra đáp số cho câu hỏi: Quân Đoàn II đang tính gì sau chấn thương ngày 10 Tháng Ba tại điểm bất ngờ Ban Mê Thuộc? Qua máy dò tìm làn sóng, Bộ Tư Lệnh Mặt Trận B3, tổng quát hơn chiến dịch tấn chiếm miền Nam, chiến dịch mang bí số 275, choáng người vì thắng lợi quá mau chóng, quá lớn, Quân Đoàn II đang tháo chạy!

Dần dần họ khám phá vài phi cơ C47, C130 xuất phát từ phi trường Cù Hanh (Pleiku) đi Nha Trang không có lượt bay về. Viên chuẩn úy nằm vùng trong Sư Đoàn 2 Không Quân, người đã điều chỉnh pháo binh chính xác từ bao ngày qua, người quan sát các phi xuất di tản đã đến hồi lộ mặt không ngần ngại – Anh ta báo cáo bằng bạch văn! Sự kiện đã trút gánh nặng âu lo “phía cộng hòa có thể điều quân tái chiếm” ra khỏi đầu Văn Tiến Dũng. Tướng Dũng mắng thẳng và đe dọa Kim Tuấn, viên tư lệnh Sư Đoàn 320: “Nếu đồng chí để vượt mắt đoàn di tản thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.” Bởi, Kim Tuấn đã từng cam kết: “Một đơn vị cơ giới với chiến xa, pháo binh nặng không thể nào đi qua đường 7B được...”

Quả thật, ông Nguyễn Văn Thiệu ít ra cũng lừa được một người cũng như trong mụ đời điều sai ông cũng có một điều đúng với câu nói: *“Đừng nghe những gì Cộng Sản nói...”* Sư Đoàn 320 được lệnh bằng rừng truy kích đoàn di tản và Sư Đoàn 968 trên đường bôn tập từ Lào về Pleiku cũng được lệnh đâm ngang từ ngã ba Thanh An, chuyển hướng hành quân dài theo Tỉnh Lộ 7 về đồng bằng.



Văn Tiến Dũng thờ phào nhẹ nhõm... Vậy là không có phản công tái chiếm như sau lần bỏ Khe Sanh (1968), chịu mất Quảng Trị 1972, lần bốn mươi thành phố miền Nam bị tấn công Tết Mậu Thân. Lần này quân Cộng Hòa, “bọn nguy quân” đã bị bẻ gãy ngay xương sống. Ngày 16 Tháng Ba, một Chủ Nhật điều linh tan nát dọc con đường đỏ sẫm đất núi và máu rây. Đoàn di tản bị chặn ở phía Đông Củng Sơn, bị cắt rời ở quận Phú Túc, bị đuổi đập từ Tây quận Lý Phú Bồn.

Sài Gòn năm 1968 tại ngã tư Lê Lợi-Công Lý, bên trái là nhà hàng Kim Sơn góc Lê Lợi-Nguyễn Trung Trực. (Hình: Flickr manhhai)

Xe tăng cán ngang lên GMC, xe GMC hát xe đồ xuống vực thẳm, cũng hát luôn những xe jeep của thành phần thuộc các đơn vị yểm trợ, chuyên môn của quân đoàn, tiểu khu Pleiku, cán qua những chiếc xe Dodge4 của địa phương quân chất đầy người già, trẻ em tan nát. Chiếc vespa của một gia đình chạy lông lốc, xiêu vẹo trên sụn đồi, đưa con, người vợ rơi rơi tả, người chồng, người cha rơi cuối cùng với chiếc xe vỡ toang trên mỏm đá!

Súng nổ... 105, 155 pháo binh, XM72 của phía Cộng Hòa; 130 ly, 122 ly, B40, B41 Cộng Sản tất cả cùng hòa vào nhau thành một luồng hỗn âm tan tác làm rung rinh sắc núi mờ đục ánh nắng. Mặt tri bị chìm khuất trong khói xám. Có xác bà già ngồi dựa bờ đất lên bề đường, người khô quắp, không vết thương. Dấu hiệu sự chết chỉ được nhận biết nơi ổ mắt, mũi, miệng... Đám kiến rừng bò lúc nhúc quay quắt đánh hơi. Ba đứa trẻ mắt lạch thần ngồi nhìn đoạn đường hỗn loạn không cảm giác. Bé trai nhỏ nhất gục đầu trên gối chị ngủ lay lắt. Có tiếng bắn đi của sơn pháo thật gần.

Sư Đoàn 320 Điện Biên bắn thẳng xuống đoàn di tản không sai trật một viên đạn. Lính còn rõ phản ứng trú ẩn, chống cự, người dân chỉ biết đưa mắt nhìn lên nơi đặt súng, nơi có những tiếng nổ khô, ngán trước khi bị bùng vỡ phá toang. Xác người tung lên theo đất bay bay. Cái chết không đơn giản, mau chóng bởi súng đạn. Chết còn bị nhận chìm từ từ trong lòng chiến xa khi chiếc xe tăng chúc đầu xuống đầu cầu nổi bắc qua sông Ba. Chiếc cầu bắc vội mỏng manh không thể nào chứa nổi sức nặng vạn con người, vạn chiếc xe... Chiếc tăng M48 như khối đá ấn mạnh xuống lòng chén nứt vỡ. Trong lòng xe có tiếng hét nghẹn, trên pháo tháp có đầu người ngoi ngóp. Người đạp lên đầu, lưng, vai người để được thờ, được sống thêm vài giây ngắn. Chiếc xe chìm xuống im lặng, kéo theo, mang theo, đè xuống rất nhiều thân xác. Xích sắt điên cuồng đào xoáy giòng sông máu sẫm làm quấy lên, tung tóe những tay, chân kẹp dính đầu dưới lườn xe.

Cuộc di tản lớn quá, quá lớn nên người ta không còn sức đâu nghĩ đến lần rút lui của Liên Đoàn 32 Biệt Động Quân và lực lượng địa phương thuộc Tiểu Khu Bình Long trấn đóng tại An Lộc, cũng trong ngày 1 Tháng Ba. An Lộc, cách Sài Gòn một trăm cây số đường chim bay. Chiến tích lớn của năm 1972, nơi Lữ Đoàn I Nhảy Dù, Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân, Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Liên Đoàn 81 Biệt Kích đã đẩy lui những trận cường tập của các trung đoàn thuộc ba công trường 5, 7, 9 (sư đoàn bộ binh thuộc quyền chỉ huy của bộ tư lệnh lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam có cán bộ người Bắc làm khung cơ ở) và trung đoàn thiết giáp T54 phối hợp tăng cường, được ym trợ trực tiếp bởi pháo 130 ly hạng nặng.

Chiến tích An Lộc được mua bởi giá máu của ngàn con người ấy, bởi niềm tin, ý chí chiến đấu của miền Nam được thể hiện nay chỉ là một tiền đồn thụ động nằm trong tầm tác xạ của một dàn pháo cối đặt dày xung quanh. Tội tệ hơn nữa, cửa ngõ phía Nam của An Lộc, khu đồn điền Xa Cam bị quân Cộng Sản đóng chốt. Đường về Chợ Thành, phải qua tử huyệt này. Và khi An Lộc với Liên Đoàn 32 Biệt Động, Chợ Thành với Liên Đoàn 31 bị nhổ đi, bị xé lẻ ra Phan Rang, đến Tây Ninh, lui về tận Hồ Nai thì từ căn cứ Lai Khê với Bình Dương-Sài Gòn, đoạn đường quá ngắn chỉ cần một ngày di chuyển với đôi chân. Nhưng bởi vết thương của Tỉnh Lộ 7 kéo dài theo hơn hai trăm cây số đường núi. Vụ triệt thoái An Lộc, Chợ Thành đành phải quên. Phải quên, dấu cơn hấp hối từ, của trái tim sắp gần kề. Sài Gòn – Lai Khê đâu khoảng ba-mươi cây số, nửa giờ xe hơi. Cuối cùng, đoàn di tản về đến Tuy Hòa ngày 25 Tháng Ba do Tiểu Đoàn 58 Biệt Động dẫn đầu. Trăm ngàn dân theo lính chạy loạn từ Kon Tum, Pleiku nay còn khoảng sáu chục ngàn người nơi trại tạm cư Đèo Rù Rì. 100,000 trừ đi 60,000 vậy đã chết bao nhiêu? Không ai có thể tính chính xác được số dân thiệt mạng. Người chỉ biết và đau với trưng hợp từng người thân, của mỗi gia đình, của chính thịt da mình.

Trên chiếc trực thăng từ phi trường Đông Tác (Tuy Hòa) về Nha Trang, viên thiếu tá ngồi ôm đứa con nhỏ, gục đầu nín thình khi đứa bé chột nhớ... Bà nội đâu hở ba? Trong đêm khuya nơi trại tạm cư Đèo Rù Rì, nghe những lời than vãn ròi rạc lẫn tiếng khóc nấc nghẹn ghìm ghìm. Bãi biển Nha Trang từng khối người ngồi chập choạng dưới trăng khuya. Nha Trang cũng mất vào tay quân Cộng Sản vài ngày sau, 30 Tháng Ba, 1975, dấu đơn vị chính quy Cộng Sản chưa kịp vào đến thành phố. Nếu kể thêm bi thảm của Huế, Đà Nẵng ở phía Bắc thì đã mất một nửa quê hương miền Nam chưa hết một Tháng Ba!



Băng rôn chống Cộng Sản tại Đà Nẵng năm 1966: “Đà đảo Cộng Sản và tay sai đang quấy rối hậu phương.” (Hình: Flickr manhhai)

Ba.

Lần sụp vỡ Vùng II gây nên phản ứng dây chuyền vô cùng nguy hại đối với Vùng I/VNCH với thành phố lớn thứ hai sau Sài Gòn, thành phố Đà Nẵng, bản doanh Quân Đoàn I/Quân Khu I VNCH. Đà Nẵng cũng là nơi Mỹ đổ quân, cũng một ngày Tháng Ba, 1965, nhằm mở rộng chiến cuộc trên toàn miền Nam, khắp vùng Đông Dương. Quân Khu I gồm Quảng Trị, Huế, Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Tín, Quảng Ngãi. Vùng đất lửa đối đầu với miền Bắc không khoan nhượng qua những thời điểm đẫm máu Mậu Thân 1968, Hạ Lào 1971, Mùa Hè Đỏ Lửa 1972.

Mới gần đây, còn nguyên dấu vết hung tàn ngọn lửa từ đầu hè 1972. Huế quả thật đã nhiều phen ném sâu sự chết. Nhưng Huế vẫn sống. Huế luôn vượt sống. Thật ra Huế, Thừa Thiên vẫn sống được bởi sức nâng, nguồn bảo vệ từ một người anh em khốn khổ, người anh em chung cấu tạo đặc thù mà phải tinh tế lắm mới nhận ra âm sắc tiếng nói khác nhau qua con sông không đầy một trăm thước, sông Mỹ Chánh ngăn ranh Quảng Trị-Thừa Thiên, với hai thị xã đứng chiều dài bảy mươi cây số, Huế và Quảng Trị. Vùng đất dựa núi và nằm cạnh biển với cửa Tùng, cửa Việt qua Thạch Hãn, sông Bồ, Mỹ Chánh, Hương Giang... Hai nơi khốn khổ, tội nghiệp này đã nâng nhau qua chiến tranh. Quảng Trị đã chịu phần thua thiệt đến đổi bàng hoàng. Thành phố đã trở nên đống gạch vỡ vụn sau cơn địa chấn Xuân-Hè 1972. Tuy nhiên trong trận chiến Xuân-Hè 1972, Tướng Ngô Quang Trưởng đã có đủ quân số gồm các Sư Đoàn 1, 2, 3 Bộ Binh và hai sư đoàn tổng trừ bị Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến để trấn giữ vùng lãnh thổ trách nhiệm đã phản công thành công tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị.

Nhưng bây giờ, 1975 không phải là năm 1972 khốc liệt ấy nữa, người Mỹ đã rút đi cùng bộ máy chỉ huy, tiếp vận tác chiến khổng lồ kể từ 27 Tháng Giêng, 1973, theo điều khoản ấn định bởi Hiệp Định Ba Lê. Và vấn đề xử dụng lại không quân với B52 dội bom cường tập như đã thực hiện suốt mùa Hè 1972 không thể nào tái lập với Tổng Thống Ford đã bị quốc hội đảng Dân Chủ kiểm soát, khóa tay. Chính phủ Mỹ hoàn toàn tê liệt sau vụ án chính trị Watergate.

Ngày 18 Tháng Ba, sau khi gặp Tướng Phú ở Nha Trang, ông thủ tướng “khôn ngoan nhất” của miền Nam Trần Thiện Khiêm bay ra Đà Nẵng gặp tướng Trưởng để truyền lại lệnh của tổng thống “Sẽ rút sư đoàn Dù; còn sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến sẽ trả lại cho Sài Gòn sau đó.” Tướng Trưởng không có gì tăng cường. Không còn gì hết. Tướng Trưởng cố gắng lần cuối. Ông bay về Sài Gòn ngày 19 Tháng Ba, họp cùng với các ông Thiệu, Khiêm, Viên và cả phó Tổng Thống Hương. Ông cam đoan có thể giữ được Huế, Đà Nẵng, nếu đừng lấy đi những lữ đoàn Dù, Thủy Quân Lục Chiến còn lại. Ông Thiệu tỏ vẻ ngần ngại trước quyết định sẽ rút một phần nào về Vùng I. Để cụ thể thêm cho ý niệm trên, ông chuẩn bị đọc một bài diễn văn với ngôn từ mạnh mẽ tỏ rõ quyết tâm bảo vệ Huế. Nhưng khi Tướng Trưởng vừa trở lại Đà Nẵng, ông nhận tin Huế đang bị đánh mạnh. Ông gọi về Tướng Viên; ông Viên đẩy qua ông Thiệu. Tướng Trưởng đành phải nói thật “...Tổng thống nên hoãn lại bài diễn văn... Huế không thể giữ được.” Thật ra ông Thiệu hiểu rõ hơn ai hết khả năng cố thủ của Huế. Ông ta muốn dành viên đạn ân huệ cho chính tay Tướng Trưởng.



Huế, Tháng Tư, 1968. (Hình: Flickr manhhai)

Cùng ngày 18 Tháng Ba, phó Đại Sứ Lehmann gọi điện văn về Tòa Bạch Ốc, nhờ chuyển bản tường trình đến Đại Sứ Martin đang chữa bệnh ở Bắc Carolina. Lehmann báo tin về khả năng phía VNCH có thể bỏ Huế với dấu hiệu chiến xa, thiết vận xa đang rút về Nam và Thủy Quân Lục Chiến bỏ Quảng Trị. Ông đại sứ biết được – đã đến lúc chính ông, không ai khác, phải chịu mỗi “khổ nhục kế” của quốc gia ông nơi xa. Tóm lại, thế trận được đặt trên tuyến phương trình kỳ cục: “Người Mỹ không biết ông Thiệu đang tính toán những gì. Sài Gòn thì hoàn toàn mù tịt về những gì đang xảy ra ở Hà Nội.” Nên không biết được rằng Hà Nội đã chấp thuận đề nghị của Văn Tiến Dũng (sau thành công

quá lớn ở mặt trận Tây Nguyên) – Đánh rộng ra toàn miền Nam, khai triển thuận lợi từ Ban Mê Thuộc và Pleiku.

Từ Ban Mê Thuộc, Sư Đoàn F10 tiếp tục hành quân về đồng bằng theo quốc lộ số 21, Sư Đoàn 320 cắt miền Trung tại Tuy Hòa, đâm xuống Nha Trang. Nha Trang sẽ là điểm hẹn của hai sư đoàn này trước khi tiến về Nam, hướng Sài Gòn. Riêng tại vùng I, Tướng Trường bị tấn công một lúc từ cả hai hướng Bắc và Nam. Trên nguyên tắc, sau Tháng Mười, 1973, khi Hà Nội, cục R phát lệnh đánh trả và ông Thiệu ra chỉ thị “Tái tổ chức, phối trí” từ hạ tầng cơ sở hành chánh và quân đội... Lính nghĩa quân được đôn thành địa phương quân, lính địa phương tập trung lại thành tiểu đoàn chủ lực và các sư đoàn diện địa phải cơ động trong khu, vùng trách nhiệm. Nhưng đây chỉ là lý thuyết và hoàn toàn là lý thuyết. Người lính địa phương quân của Tiểu Khu Quảng Trị, Thừa Thiên không hề được chuẩn bị, trang bị để đương cự lại những sư đoàn chính quy Bắc Việt, thế nên khi Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến, cùng với liên đoàn Biệt Động Quân vừa rút khỏi Quảng Trị, dân chúng ùa đi theo. Tỉnh trưởng Quảng Trị khuyên công chức cho gia đình di tản. Tất cả tràn về Huế, và Huế sau dấu ấn Mậu Thân 1968 và nỗi khiếp sợ từ 1972... Theo luồng cuồng nộ bi thảm này chạy về Nam, vượt đèo Hải Vân.

Ngày 25 Tháng Ba, sáu giờ, Tướng Trường ra lệnh bỏ Huế. Lính Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động, Sư Đoàn I đồng tập trung tại Vĩnh Lộc, nơi cửa biển Thuận An, Đông-Nam Huế. Đề đốc Chung Tấn Cang gọi một số vận tải hạm ra cửa Thuận An đón đoàn quân cùng đám dân chạy loạn. Nhưng muốn đến bờ biển, lên tàu lớn, đoàn người di tản phải qua phà Thuận An, và tại đây lại một lần tái lập cảnh tượng địa ngục nơi Sông Ba, Tuy Hòa mười ngày trước. Thật sự chỉ đúng một tuần. Điều đau đớn này xảy ra như một chuyện tất nhiên. Trong tất cả các hình thái hành quân, rút lui là một loại chiến thuật khó khăn nhất, bởi lẽ tự nó vốn đã mang yếu tố thất bại, thua cuộc. Không thể có một giải đáp tốt cho vấn đề đã vốn xấu, thế nên không hề có được một cuộc rút lui thắng lợi. Nếu có được một cuộc rút lui tương đối thành công của quân sự thế giới thì đấy là lần di tản 350,000 lính đồng minh từ mồm Dunkerque qua Anh năm 1940. Nhưng Dunkerque là một cứ điểm phòng thủ với yếu tố thuận lợi do hệ thống sông, lạch chia cắt với đất liền và bin vây kín trước mặt. Cuộc triệt thoái với hơn nghìn tàu đủ loại của Anh và Pháp điều động, chỉ huy bởi những sĩ quan, tướng lĩnh kỳ tài của hai đạo quân có truyền thống và tổ chức cao. Hai quân đội kia còn có một thời hạn tương đối đủ (từ giữa Tháng Năm đến Tháng Tư Tháng Sáu, 1941) và một hậu phương nước Anh kiên định vững vàng.

Phan Nhật Nam (còn tiếp)